

Số: 203/2014/TT-BTC

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2014

CỤC TIN HỌC & THỐNG KÊ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ

ĐẾN NGÀY 05-01-2015

Hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan

SỐ CV ĐẾN:

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Bưu chính ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn việc xử lý hàng hóa tồn đọng thuộc đối tượng giám sát hải quan được lưu giữ tại khu vực cảng, kho, bãi thuộc địa bàn hoạt động hải quan.

2. Hàng hóa tồn đọng thuộc đối tượng giám sát hải quan được lưu giữ tại khu vực cảng, kho, bãi thuộc địa bàn hoạt động hải quan (sau đây gọi là hàng hóa tồn đọng) bao gồm:

a) Hàng hóa mà chủ hàng hóa tuyên bố từ bỏ hoặc thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ.

Không thừa nhận việc chủ hàng hóa từ bỏ hoặc thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ đối với hàng hóa có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

b) Hàng hóa nhập khẩu quá 90 ngày kể từ ngày đến cửa khẩu nhưng không có người đến nhận;

c) Hàng hóa do doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi thu gom trong quá trình xếp dỡ hàng hóa;

d) Hàng hóa nhập khẩu ngoài vận đơn, bản khai hàng hóa nhưng không có người đến nhận.

3. Thông tư này không điều chỉnh đối với:

a) Hàng hóa tồn đọng ngoài địa bàn hoạt động hải quan hoặc hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan nhưng không thuộc đối tượng giám sát hải quan;

b) Hàng hóa tồn đọng là tang vật vi phạm pháp luật được xác định là buôn lậu thuộc đối tượng xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước theo thủ tục hành chính hoặc xử lý hình sự;

c) Hàng hóa do người vận chuyển lưu giữ tại cảng biển Việt Nam xử lý theo Nghị định số 46/2006/NĐ-CP ngày 16/5/2006 của Chính phủ về xử lý hàng hóa do người vận chuyển lưu giữ tại cảng biển Việt Nam.

4. Việc xử lý đối với hàng hóa tồn đọng là hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, gửi kho ngoại quan theo quy định phải thực hiện việc ký quỹ, đặt cọc thì ngoài việc thực hiện theo quy định tại Thông tư này, còn phải thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công thương và Bộ Tài chính về việc quản lý và sử dụng số tiền đặt cọc của thương nhân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Hải quan các cấp.

2. Doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi.

3. Chủ kho ngoại quan.

4. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính (bao gồm cả doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế).

5. Hãng tàu; đại lý hãng tàu; doanh nghiệp giao nhận; đại diện theo ủy quyền của hãng tàu, doanh nghiệp giao nhận (sau đây gọi chung là người vận chuyển).

6. Chủ hàng hóa là người gửi hàng hoặc người nhận hàng đứng tên trên vận đơn.

7. Các đối tượng khác có liên quan đến xử lý hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, xử lý hàng hóa tồn đọng

1. Việc xử lý hàng hóa tồn đọng phải tuân theo thời gian, trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan.

2. Việc xử lý hàng hóa tồn đọng phải kịp thời, công khai, minh bạch, đúng chế độ quy định.

Chương II **XỬ LÝ HÀNG HÓA TỒN DỌNG**

Mục 1 **THEO DÕI, BẢO QUẢN, THÔNG BÁO HÀNG HÓA TỒN DỌNG**

Điều 4. Theo dõi, bảo quản hàng hóa tồn đọng

1. Người vận chuyển có trách nhiệm cung cấp thông tin về danh sách vận đơn quá 90 ngày, kể từ ngày hàng đến cửa khẩu nhập chưa có người nhận cho doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi để làm cơ sở theo dõi, tổng hợp tình hình hàng hóa tồn đọng.

2. Doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi, chủ kho ngoại quan, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính (sau đây gọi là doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng) có trách nhiệm:

a) Theo dõi, thống kê, phân loại hàng hóa tồn đọng;

b) Bố trí địa điểm cảng, kho, bãi đáp ứng điều kiện giám sát hải quan để lưu giữ, bảo quản hàng hóa tồn đọng trong thời gian chờ xử lý theo yêu cầu của cơ quan Hải quan.

Điều 5. Xác định hàng hóa mà chủ hàng hóa tuyên bố từ bỏ hoặc thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ

1. Hàng hóa mà chủ hàng hóa tuyên bố từ bỏ là hàng hóa mà chủ hàng hóa có văn bản từ bỏ hàng hóa; hàng hóa do người vận chuyển đường biển lưu giữ tại Việt Nam bỏ lại cảng biển và người vận chuyển có văn bản từ bỏ quyền lưu giữ.

2. Hàng hóa mà chủ hàng hóa thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ là hàng hóa thuộc đối tượng giám sát hải quan thuộc địa bàn hoạt động hải quan (cảng biển, cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài, cảng nội địa ICD, địa điểm thu gom hàng lẻ CFS, kho ngoại quan, cảng hàng không, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính và các địa bàn hoạt động hải quan khác) mà chủ hàng không đến nhận, không hồi đáp sau khi được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

Việc xác định chủ hàng hóa thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ tại một số địa bàn hoạt động hải quan đặc thù được thực hiện như sau:

a) Đối với hàng hóa trong kho ngoại quan:

- Chậm nhất là 15 ngày, trước ngày hợp đồng thuê kho ngoại quan hoặc hợp đồng gia hạn thuê kho ngoại quan hết hạn, chủ kho ngoại quan có trách

nhệm thông báo bằng văn bản cho chủ hàng hóa biết về hợp đồng thuê kho hoặc hợp đồng gia hạn thuê kho sắp hết hạn để chủ hàng làm thủ tục đưa hàng hóa ra khỏi kho ngoại quan;

- Quá thời hạn 90 ngày, kể từ ngày hết hạn hợp đồng thuê kho ngoại quan hoặc hàng hóa hết hạn hợp đồng gia hạn thuê kho ngoại quan mà chủ hàng hóa không đưa hàng hóa ra khỏi kho ngoại quan thì hàng hóa đó được xác định là hàng hóa mà chủ hàng thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ.

b) Đối với hàng hóa tại doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện hàng hóa nhập khẩu gửi qua doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính nhưng chưa hoàn thành thủ tục hải quan, hàng hóa gửi qua doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính đã hoàn thành thủ tục xuất khẩu nhưng không phát được cho người nhận, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính thông báo bằng văn bản cho chủ hàng hóa đến nhận. Trường hợp quá 15 ngày, kể từ ngày thông báo lần 1 mà chưa có người đến nhận, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính thông báo lần 2 bằng văn bản cho chủ hàng hóa. Thông báo được gửi bằng thư bảo đảm qua dịch vụ chuyển phát có ký nhận hồi báo. Thời hạn để chủ hàng hóa đến nhận là 90 ngày, kể từ ngày thông báo lần đầu;

- Hết thời hạn đến nhận hàng hóa mà chủ hàng hóa không đến nhận hoặc không hồi đáp thì hàng hóa được xác định là hàng hóa mà chủ hàng thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ.

c) Đối với hàng hóa, hành lý tại cảng hàng không:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày người nhận hàng từ chối nhận hàng hoặc không có người nhận hàng (đối với hàng hóa) hoặc kể từ ngày hành lý được vận chuyển đến địa điểm đến (đối với hành lý), người vận chuyển có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người gửi hàng đến nhận hàng (đối với hàng hóa) hoặc niêm yết tại sân bay (đối với hành lý). Thời hạn thông báo là 60 ngày (đối với hàng hóa), 30 ngày (đối với hành lý) kể từ ngày bắt đầu thông báo, niêm yết;

- Hết thời hạn thông báo mà không có người đến nhận hoặc không hồi đáp thì hàng hóa, hành lý được xác định là hàng hóa mà chủ hàng thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ.

Điều 6. Thông báo tình hình hàng hóa tồn đọng cho cơ quan Hải quan

1. Định kỳ hàng quý, chậm nhất là ngày 15 của tháng đầu tiên quý sau, doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng có trách nhiệm thông báo tình hình hàng hóa tồn đọng cho Chi cục Hải quan quản lý theo Mẫu số 06-TBTD ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp chưa đến thời hạn báo cáo định kỳ nhưng phát hiện hàng hoá đủ điều kiện xác định là hàng hóa tồn đọng là hàng hoá dễ bị hư hỏng, hàng

đông lạnh, hóa chất nguy hiểm, độc hại, hàng hóa có hạn sử dụng còn dưới 60 ngày, doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng có trách nhiệm thông báo cho Chi cục Hải quan trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện.

2. Doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến lô hàng hóa tồn đọng khi có đề nghị cần làm rõ của cơ quan Hải quan.

Điều 7. Kiểm tra, xác minh hàng hóa tồn đọng

1. Đối với những lô hàng hóa tồn đọng có dấu hiệu vi phạm pháp luật, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng, Chi cục Hải quan thực hiện kiểm tra, xác minh, xác định thực tế hàng hóa.

2. Trường hợp qua kiểm tra, xác minh phát hiện hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hoặc tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu thì thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật, không phải thông báo theo quy định tại Điều 8 Thông tư này. Trường hợp qua kiểm tra, xác minh phát hiện hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu thì Chi cục Hải quan niêm phong hàng hóa và giao doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng bảo quản trong thời gian thực hiện thủ tục thông báo theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

3. Doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng có trách nhiệm xuất trình hàng hóa tồn đọng cho cơ quan Hải quan để thực hiện kiểm tra, xác minh theo quy định. Doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng, người vận chuyển không được yêu cầu cơ quan Hải quan ứng nộp các chi phí lưu kho, bãi, lưu container khi tiến hành kiểm tra; việc thanh toán các chi phí lưu kho, bãi, lưu container được thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 17 Thông tư này.

Điều 8. Thông báo tìm chủ hàng hóa tồn đọng

1. Đối với hàng hóa tồn đọng quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 1 Thông tư này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng về hàng hóa tồn đọng, Chi cục Hải quan phải thông báo về hàng hóa tồn đọng. Trường hợp thông tin về hàng hóa tồn đọng do doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng cung cấp không đầy đủ hoặc cần phải xác minh thêm thì thời gian thực hiện việc thông báo được kéo dài nhưng tối đa không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng.

2. Việc thông báo về hàng hóa tồn đọng được thực hiện như sau:

- a) Đăng tải trên Báo Hải quan 03 số liên tiếp;
- b) Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử hải quan, Trang thông tin về tài sản nhà nước;
- c) Niêm yết công khai tại trụ sở Cục Hải quan và Chi cục Hải quan.

3. Thời hạn để người đến nhận hàng là 60 ngày, kể từ ngày thông báo lần đầu. Đối với hàng hóa dễ bị hư hỏng, hàng đông lạnh, hóa chất nguy hiểm, độc hại, hàng hoá có hạn sử dụng còn dưới 60 ngày, thời hạn thông báo để người đến nhận hàng là 15 ngày, kể từ ngày thông báo lần đầu.

4. Trong thời hạn đến nhận hàng theo thông báo, nếu chủ hàng hóa/người vận chuyển đến nhận thì được làm thủ tục hải quan và bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan và phải chịu các chi phí phát sinh do việc chậm nhận hàng. Trường hợp việc đăng ký tờ khai được thực hiện tại Chi cục Hải quan khác, Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai phải có văn bản thông báo cho Chi cục Hải quan quản lý hàng hóa tồn đọng biết để theo dõi và làm các thủ tục tiếp theo.

5. Quá thời hạn đến nhận hàng hóa theo thông báo quy định tại khoản 3 Điều này mà không có người đến nhận, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn đến nhận hàng, Chi cục Hải quan báo cáo Cục trưởng Cục Hải quan để xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư này.

6. Các trường hợp không phải thông báo:

a) Hàng hóa mà chủ hàng hóa tuyên bố từ bỏ hoặc thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ quy định tại Điều 5 Thông tư này;

b) Cơ quan Hải quan xác định được hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

Mục 2

HỘI ĐỒNG XỬ LÝ HÀNG HÓA TỒN ĐỘNG

Điều 9. Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng

1. Cục trưởng Cục Hải quan có trách nhiệm quyết định thành lập Hội đồng thường trực để xử lý hàng hoá tồn đọng theo từng năm. Thành phần Hội đồng thường trực bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo Cục Hải quan;

b) Các thành viên:

- Đại diện Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có hàng hóa tồn đọng;

- Lãnh đạo bộ phận chuyên môn nghiệp vụ thuộc Cục Hải quan;

- Đại diện bộ phận quản lý giá – công sản thuộc Sở Tài chính.

- Lãnh đạo doanh nghiệp quản lý hàng tồn đọng;

- Lãnh đạo Chi cục Hải quan;

- Đại diện người vận chuyển (nếu cần).

- Đại diện cơ quan quản lý chuyên ngành của địa phương có liên quan (nếu cần).

Cục trưởng Cục Hải quan quyết định cụ thể các Phó Chủ tịch Hội đồng trong số các thành viên Hội đồng quy định tại điểm này.

Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng mời đại diện Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan, Cục Quản lý công sản, Cục Quản lý giá) tham gia Hội đồng để xử lý các vụ việc lớn, phức tạp.

2. Đối với các địa bàn hoạt động hải quan ít phát sinh hàng hóa tồn đọng, Cục trưởng Cục Hải quan có thể quyết định thành lập Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng cho từng vụ việc. Thời hạn thành lập Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng theo vụ việc là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chi cục Hải quan. Thành phần Hội đồng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Hội đồng được sử dụng con dấu của Cục Hải quan để thực hiện nhiệm vụ.

4. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Hội đồng được phép:

a) Thành lập các bộ phận chuyên môn giúp việc cho Hội đồng (như: kiểm kê, phân loại hàng hóa tồn đọng, thư ký Hội đồng);

b) Thuê tổ chức, cá nhân có chức năng để thực hiện giám định, định giá, tiêu hủy, bán đấu giá hàng hóa tồn đọng;

c) Thuê chuyên gia trong các lĩnh vực chuyên ngành;

d) Thuê doanh nghiệp tổ chức thực hiện phương án xử lý hàng hóa tồn đọng.

Điều 10. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng

1. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các phiên họp của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng điều hành và phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng tham dự. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng không tham dự được thì ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp.

2. Hội đồng thảo luận và biểu quyết về giá và phương án xử lý hàng hóa tồn đọng. Quyết định về giá và phương án xử lý hàng hóa tồn đọng phải được quá nửa số thành viên Hội đồng tán thành. Trường hợp biểu quyết ngang nhau thì quyết định theo bên có biểu quyết của người điều hành phiên họp.

3. Hội đồng phải lập biên bản về việc kiểm kê, phân loại, định giá, đề xuất phương án xử lý hàng hóa tồn đọng.

4. Nội dung chính của Biên bản gồm: Họ, tên những người tham gia xử lý hàng hóa tồn đọng; thời gian, địa điểm tiến hành; kết quả kiểm kê, phân loại, định giá hàng hóa tồn đọng; ý kiến của các thành viên của Hội đồng và những người tham dự phiên họp về giá và phương án xử lý hàng hóa tồn đọng; kết quả biểu quyết của Hội đồng về giá và phương án xử lý hàng hóa tồn đọng; thời gian, địa điểm hoàn thành việc kiểm kê, phân loại, định giá hàng hóa tồn đọng; chữ ký của các thành viên của Hội đồng.

Điều 11. Trách nhiệm của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng

1. Chủ tịch Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng có trách nhiệm:

- a) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng;
- b) Quyết định thành lập các bộ phận chuyên môn giúp việc cho Hội đồng;
- c) Quyết định kế hoạch, thời gian thực hiện xử lý hàng hóa tồn đọng;
- d) Điều hành các phiên họp của Hội đồng;

đ) Đại diện cho Hội đồng ký hợp đồng thuê các tổ chức, cá nhân cung cấp các dịch vụ trong quá trình xử lý hàng hóa tồn đọng; ký Hợp đồng mua bán hàng hóa với người mua được tài sản; giao doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại Thông tư này;

e) Lập dự toán cho công tác xử lý hàng hóa tồn đọng theo quy định tại Thông tư này.

2. Các thành viên khác của Hội đồng thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Chủ tịch Hội đồng. Riêng đại diện Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, tham mưu cho Hội đồng trong việc xác định giá trị hàng hóa tồn đọng.

Mục 3

KIỂM KÊ, PHÂN LOẠI, ĐỊNH GIÁ, XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA TỒN DỌNG

Điều 12. Kiểm kê, phân loại, định giá hàng hóa tồn đọng

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo, đề nghị xử lý hàng hóa tồn đọng của Chi cục Hải quan (đối với địa bàn hoạt động hải quan thành lập Hội đồng thường trực) hoặc kể từ ngày thành lập Hội đồng xử lý hàng hóa tồn đọng (đối với địa bàn hoạt động hải quan thành lập Hội đồng xử lý theo vụ việc), Hội đồng phải hoàn thành các công việc sau đây:

- a) Mở niêm phong hàng hóa hoặc niêm phong container (nếu có);
- b) Kiểm kê, phân loại hàng hóa tồn đọng và lập Bảng kê chi tiết hàng hóa tồn đọng theo Mẫu số 07-THHĐ ban hành kèm theo Thông tư này;
- c) Xác định giá trị hàng hóa tồn đọng.

2. Căn cứ tình hình thực tế, Chủ tịch Hội đồng quyết định:

a) Giao doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng huy động cán bộ của doanh nghiệp tham gia thực hiện việc kiểm kê, phân loại hàng hóa tồn đọng dưới sự giám sát của Hội đồng;

b) Thuê tổ chức có chức năng giám định, thẩm định giá để giám định, xác định giá trị hàng hóa để Hội đồng xem xét, tham khảo làm căn cứ xác định giá trị hàng hóa.

3. Đối với các vụ việc lớn, phức tạp, Chủ tịch Hội đồng xử lý hàng tồn đọng báo cáo Cục trưởng Cục Hải quan quyết định gia hạn thời gian thực hiện nhưng thời gian gia hạn không quá 30 ngày.

Điều 13. Xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với hàng hóa tồn đọng

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ hoàn thành việc kiểm kê, phân loại, định giá theo quy định tại Điều 12 Thông tư này, Hội đồng có trách nhiệm lập hồ sơ, báo cáo Cục trưởng Cục Hải quan quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với hàng hóa tồn đọng cùng với phương án xử lý hàng hóa tồn đọng theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

Hồ sơ đề nghị bao gồm:

- a) Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu của Nhà nước: 01 bản chính;
- b) Bảng kê chi tiết hàng hóa tồn đọng: 01 bản chính;
- c) Công văn đề nghị thông báo gửi Báo Hải quan (kèm theo Thông báo được đăng tải), Cổng thông tin điện tử hải quan, Trang thông tin về tài sản nhà nước về lô hàng hoặc thông báo của doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng cho chủ hàng hóa/người vận chuyển: 01 bản sao của từng lần đề nghị hoặc thông báo;
- d) Văn bản thông báo từ bỏ hàng hoá hoặc tài liệu chứng minh việc từ bỏ hàng hóa của chủ hàng hóa hoặc người vận chuyển (nếu có): 01 bản chính.

Các bản sao phải được Chủ tịch Hội đồng ký xác nhận và đóng dấu.

2. Riêng đối với hàng hóa, hành lý vận chuyển bằng đường hàng không được xác định là hàng hóa tồn đọng, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn để người có quyền nhận đến nhận số tiền còn lại từ việc xử lý hàng hóa tồn đọng theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư này, Hội đồng có trách nhiệm trình Cục trưởng Cục Hải quan quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị của Hội đồng, Cục trưởng Cục Hải quan ra Quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với hàng hóa tồn đọng theo Mẫu số 02/QĐ-XL ban hành kèm theo Thông tư này.

Mục 4

XỬ LÝ HÀNG HÓA TỒN DỌNG

Điều 14. Lập, phê duyệt phương án xử lý hàng hóa tồn đọng

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành kiểm kê, phân loại, định giá theo quy định tại Điều 12 Thông tư này, Hội đồng có trách nhiệm lập phương án xử lý hàng hóa tồn đọng theo các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này, báo cáo Cục trưởng Cục Hải quan.

2. Hình thức xử lý hàng hóa tồn đọng:

a) Chuyển giao cho cơ quan nhà nước chuyên ngành để quản lý, xử lý đối với hàng hóa có giá trị văn hóa – lịch sử, bảo vật quốc gia, cổ vật, hàng lâm sản quý hiếm, vũ khí, công cụ hỗ trợ và các tài sản khác liên quan đến quốc phòng, an ninh;

b) Chuyển giao cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội để quản lý, sử dụng đối với hàng hóa còn sử dụng được là phương tiện vận tải, máy móc, trang thiết bị và phương tiện làm việc, thiết bị thí nghiệm theo tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

c) Tiêu hủy đối với hàng hoá không còn giá trị sử dụng (mục nát, đổ vỡ, hư hỏng, giảm phẩm chất, quá hạn sử dụng, không bảo đảm chất lượng sử dụng, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng) hoặc thuộc diện buộc phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật Việt Nam; trường hợp đặc biệt cần xử lý theo hình thức khác để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, Cục Hải quan báo cáo Tổng cục Hải quan để phối hợp với Cục Quản lý công sản trình Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

Riêng đối với hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, chủ hàng, chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền có trách nhiệm vận chuyển hàng hóa đó ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp không xác định được chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền, Hội đồng xử lý phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện tiêu hủy;

d) Bán trực tiếp (không thông qua đấu giá) trong các trường hợp sau đây:

- Thực phẩm tươi sống, dễ bị ôi thiu, khó bảo quản; hàng hóa, vật phẩm dễ cháy nổ (xăng, gas, dầu, khí hóa lỏng và các chất dễ cháy nổ khác);

- Hàng thực phẩm đã qua chế biến mà hạn sử dụng còn dưới 30 ngày;

- Thuốc chữa bệnh, thuốc thú y mà hạn sử dụng còn dưới 60 ngày;

- Các loại hàng hóa khác nếu không xử lý ngay sẽ bị hư hỏng, hết thời hạn sử dụng;

- Hàng hoá theo kết quả định giá của Hội đồng xử lý có giá trị dưới 50 triệu đồng/lô hàng hóa.

đ) Bán đấu giá đối với hàng hóa không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, c, d khoản này và tài sản quy định tại điểm b khoản này nhưng không xử lý theo hình thức chuyển giao.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng xử lý trình phương án xử lý hàng hóa tồn đọng, Cục trưởng Cục Hải quan quyết định phương án xử lý hàng hóa tồn đọng theo Mẫu số 03/QĐ-PA ban hành kèm Thông tư này theo thẩm quyền hoặc báo cáo Tổng cục Hải quan để phối hợp với

Cục Quản lý công sản trình Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định đối với trường hợp chuyển giao theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này.

4. Đối với những hàng hóa có yêu cầu quản lý đặc biệt của Nhà nước, Cục Hải quan báo cáo Tổng cục Hải quan để phối hợp với Cục Quản lý công sản báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hình thức xử lý. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính tổ chức xử lý theo quy định.

Điều 15. Thực hiện phương án xử lý hàng hóa tồn đọng

Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định phương án xử lý hàng hóa tồn đọng, Hội đồng phải hoàn thành việc thực hiện xử lý theo quy định sau đây:

1. Đối với hàng hoá tiêu huỷ:

a) Hội đồng tổ chức thực hiện việc tiêu huỷ hoặc thuê các tổ chức có chức năng để thực hiện việc tiêu huỷ; trường hợp việc tiêu huỷ do Hội đồng thực hiện, Hội đồng có thể giao cho doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng huy động người lao động của doanh nghiệp để thực hiện.

b) Việc tiêu huỷ phải được lập thành Biên bản. Nội dung chủ yếu của Biên bản tiêu huỷ gồm: căn cứ thực hiện tiêu huỷ; thời gian, địa điểm tiêu huỷ; thành phần tham gia tiêu huỷ; tên, chủng loại, số lượng, hiện trạng của hàng hoá tại thời điểm tiêu huỷ; hình thức tiêu huỷ và các nội dung khác có liên quan.

c) Hình thức tiêu huỷ:

Tuỳ thuộc vào tính chất, đặc điểm của hàng hoá, vật phẩm và yêu cầu đảm bảo vệ sinh môi trường, việc tiêu huỷ được thực hiện theo các hình thức sau đây:

- Sử dụng hoá chất;
- Sử dụng biện pháp cơ học;
- Huỷ đốt;
- Huỷ chôn;
- Hình thức khác theo quy định của pháp luật.

d) Đối với loại hàng hoá mà việc tiêu huỷ làm ảnh hưởng đến môi trường thì phải được sự chấp thuận và hướng dẫn của cơ quan quản lý môi trường sở tại trước khi tổ chức tiêu huỷ.

2. Đối với hàng hóa chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, xử lý hoặc chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng, Hội đồng tổ chức bàn giao tài sản cho đơn vị tiếp nhận theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản. Nội dung chủ yếu của Biên bản gồm: thành phần tham gia bàn giao; tên, chủng

loại, số lượng, hiện trạng tài sản bàn giao; giá trị tài sản bàn giao (nếu có) và các nội dung khác có liên quan.

Đối với hàng hóa xử lý theo phương thức chuyển giao, thực hiện hạch toán ghi thu ngân sách trung ương khi quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước và phương án xử lý; thực hiện ghi chi ngân sách trung ương khi chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Giá trị hàng hóa ghi thu, ghi chi ngân sách là giá trị của hàng hóa chuyển giao do Hội đồng xác định.

3. Đối với hàng hoá bán trực tiếp (không thông qua đấu giá):

a) Trên cơ sở giá trị hàng hoá do Hội đồng xử lý xác định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 12 Thông tư này (đã bao gồm các loại thuế, phí theo quy định), Hội đồng niêm yết thông tin về việc bán hàng hóa tại trụ sở Chi cục Hải quan và Cục Hải quan trong thời hạn 03 ngày. Trường hợp chỉ có một tổ chức hoặc cá nhân đăng ký mua thì bán cho tổ chức hoặc cá nhân đó. Trường hợp có nhiều tổ chức, cá nhân đăng ký mua thì tổ chức bốc thăm giữa các tổ chức, cá nhân để xác định người được mua hàng hóa. Việc bốc thăm để xác định người mua được hàng hóa phải do Hội đồng thực hiện dưới sự chứng kiến của những người đăng ký mua hàng hóa; người đăng ký mua không tham dự bốc thăm sẽ bị mất quyền mua hàng hóa. Việc bốc thăm để xác định người mua được hàng hóa phải được lập thành biên bản theo Mẫu số 04-BBBT ban hành kèm Thông tư này, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng và đại diện người đăng ký mua hàng hóa. Hội đồng xử lý hàng hóa chịu trách nhiệm về tính công khai, minh bạch của việc bốc thăm lựa chọn người được mua hàng hóa.

b) Việc bán hàng hoá phải được lập thành Hợp đồng mua bán hàng hóa tồn đọng theo Mẫu số 05-HĐBTT ban hành kèm Thông tư này.

c) Người mua hàng hóa có trách nhiệm thanh toán tiền mua hàng hóa trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày ký Hợp đồng. Sau thời hạn này, nếu người mua không thanh toán tiền mua hàng hoặc sau 15 ngày, kể từ ngày người mua hàng thanh toán tiền mua hàng mà không đến nhận hàng hóa hoặc không đưa hàng hóa ra khỏi địa bàn hoạt động hải quan mà không có lý do chính đáng, Hội đồng tổ chức thông báo lại về việc bán hàng hóa theo quy định tại điểm a khoản này để lựa chọn người mua hàng hóa (trong trường hợp người mua không thanh toán hoặc không đến nhận hàng là người duy nhất đăng ký mua) hoặc tổ chức bốc thăm giữa các tổ chức, cá nhân đăng ký mua còn lại để lựa chọn người mua kế tiếp (trong trường hợp khi bán lần trước liền kề có nhiều người đăng ký mua). Số tiền người mua đã thanh toán được quản lý theo quy định tại Chương III Thông tư này, không hoàn trả cho người mua.

4. Đối với hàng hoá bán đấu giá:

a) Giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá là giá do Hội đồng xử lý xác định (đã bao gồm các loại thuế, phí theo quy định);

b) Hội đồng thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để thực hiện việc bán đấu giá hàng hoá tồn đọng; trường hợp không thuê được tổ chức bán đấu giá

chuyên nghiệp, Chủ tịch Hội đồng mời đại diện Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có hàng hóa tồn đọng tham gia Hội đồng để tổ chức bán đấu giá hàng hoá tồn đọng;

c) Trình tự, thủ tục bán đấu giá hàng hoá tồn đọng được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản;

d) Người trúng đấu giá có trách nhiệm thanh toán tiền mua hàng và đưa hàng ra khỏi khu vực giám sát hải quan trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày ký Hợp đồng. Sau thời hạn này, nếu người trúng đấu giá không thanh toán và không đến nhận hoặc không đưa hàng hóa ra khỏi khu vực giám sát hải quan mà không có lý do chính đáng, Hội đồng tổ chức bán đấu giá lại theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này. Số tiền đặt cọc và số tiền đã thanh toán (nếu có) được quản lý theo quy định tại Chương III Thông tư này, không hoàn trả cho người mua.

5. Người mua được hàng hóa quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này có trách nhiệm thanh toán tiền mua hàng hóa cho Hội đồng, không phải làm thủ tục nhập khẩu, không phải nộp các loại thuế và lệ phí liên quan đến nhập khẩu.

6. Khi người mua hàng hoá tồn đọng quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này thanh toán và đưa hàng ra khỏi khu vực giám sát hải quan, Hội đồng có trách nhiệm cung cấp bộ chứng từ cho người mua, gồm:

a) Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước theo Mẫu số 01/TSSQ-3L.04 ban hành kèm theo Quyết định số 12/2004/QĐ-BTC ngày 09/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: 01 bản chính;

b) Hợp đồng mua bán hàng hóa tồn đọng (trong trường hợp bán trực tiếp) hoặc Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá (trong trường hợp bán đấu giá): 01 bản chính;

c) Phiếu xuất kho của đơn vị được giao lưu giữ, bảo quản hàng hóa: 01 bản chính.

Chương III

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 16. Quản lý số tiền thu từ xử lý hàng hóa tồn đọng

1. Số tiền thu từ xử lý hàng hóa tồn đọng bao gồm:

a) Số tiền thu từ bán hàng hóa tồn đọng;

b) Số tiền đặt cọc và số tiền người mua hàng hóa đã thanh toán nhưng người mua không đến nhận hàng hoặc không đưa hàng ra khỏi địa bàn hoạt động hải quan.

2. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hàng hóa tồn đọng (trừ hàng hóa tồn đọng tại cảng hàng không quy định tại khoản 3 Điều này) được nộp vào tài

khoản tạm giữ của Bộ Tài chính mở tại Kho bạc nhà nước. Bộ trưởng Bộ Tài chính ủy quyền cho Cục trưởng Cục Hải quan làm chủ tài khoản.

Cuối năm ngân sách, số tiền thu được từ việc bán hàng hóa tồn đọng trên tài khoản tạm giữ, sau khi trừ các chi phí quy định tại Điều 17 Thông tư này được nộp vào ngân sách trung ương.

3. Đối với số tiền thu từ xử lý hàng hóa tồn đọng tại cảng hàng không:

Số tiền thu được từ việc bán hàng hóa tồn đọng tại cảng hàng không được nộp vào tài khoản tạm giữ của Bộ Tài chính mở tại Kho bạc nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tài chính ủy quyền cho Cục trưởng Cục Hải quan làm chủ tài khoản.

Sau khi đã trừ đi các chi phí quy định tại Điều 17 Thông tư này, số tiền còn lại (nếu có) được trả lại cho người có quyền nhận; người có quyền nhận được nhận lại số tiền thu được từ bán hàng hóa tồn đọng phải nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật (nếu có). Hết thời hạn 180 ngày, kể từ ngày bán hàng hóa tồn đọng mà người có quyền nhận không đến nhận số tiền còn lại, Cục trưởng Cục Hải quan quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản theo quy định tại Điều 13 Thông tư này và nộp số tiền còn lại vào ngân sách trung ương.

Điều 17. Nội dung chi

1. Chi kiểm tra, xác minh, kiểm kê, phân loại hàng hóa.
2. Chi giám định, định giá hàng hóa.
3. Chi đăng tải thông tin về hàng hóa tồn đọng do Chi cục Hải quan và Hội đồng xử lý thực hiện.
4. Chi văn phòng phẩm, in ấn, photo tài liệu.
5. Phí bán đấu giá (trong trường hợp thuê các tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp thực hiện).
6. Chi phí bốc xếp, nâng hạ, vận chuyển, kiểm đếm hàng hóa, dịch vụ kho ngoại quan (nếu có).
7. Chi phí bảo quản hàng hóa tồn đọng, bao gồm: chi phí lưu cảng, kho, bãi, lưu vỏ container, chi phí phục vụ container hàng đông lạnh và các chi phí khác liên quan đến bảo quản hàng hóa (nếu có) kể từ thời điểm có quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.

Toàn bộ các chi phí bảo quản hàng hóa tồn đọng trước ngày Cục trưởng Cục Hải quan ra quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do chủ hàng hóa hoặc người vận chuyển chi trả; trường hợp không xác định được chủ hàng hóa, chủ hàng hóa từ bỏ hoặc sau 1 năm kể từ ngày kết thúc việc xử lý chủ hàng hóa, người vận chuyển không chi trả thì doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng được hạch toán vào chi phí của doanh nghiệp.

8. Chi bồi dưỡng cho các thành viên của Hội đồng xử lý, Tổ giúp việc và các cán bộ được huy động trong quá trình xử lý hàng hóa tồn đọng (kiểm kê, phân loại, giám định, định giá, lập phương án xử lý, tổ chức xử lý hàng hóa tồn đọng và các công việc khác có liên quan).

9. Chi phí thuê chuyên gia trong lĩnh vực chuyên ngành (nếu có).

10. Chi phí thực hiện tiêu hủy hàng hóa (bao gồm cả chi phí liên quan đến xử lý môi trường khi thực hiện tiêu hủy).

11. Các chi phí khác liên quan đến xử lý hàng hóa tồn đọng (nếu có).

Điều 18. Mức chi

1. Đối với các khoản chi đã có định mức, tiêu chuẩn, đơn giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Chi bồi dưỡng cho các thành viên của Hội đồng xử lý, Tổ giúp việc và người được huy động trong quá trình xử lý hàng hóa tồn đọng theo mức tối đa không quá 100.000 đồng/ngày/người. Ngày thanh toán là số ngày thực tế các thành viên thực hiện nhiệm vụ được Hội đồng xử lý giao.

3. Chi in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm, xăng xe và các khoản phục vụ cho bộ máy quản lý có liên quan được tính theo nhu cầu thực tế của từng trường hợp cụ thể.

4. Đối với những khoản chi quy định tại Điều 17 Thông tư này mà không thuộc phạm vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, Cục trưởng Cục Hải quan quyết định chi trên cơ sở thực tế phát sinh, hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ và chuyên gia (nếu có) và khả năng kinh phí thực hiện xử lý tài sản, đồng thời chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 19. Nguồn kinh phí

1. Nguồn kinh phí để chi trả được sử dụng từ số tiền thu được do bán hàng hóa tồn đọng đã nộp vào tài khoản tạm giữ được mở tại Kho bạc nhà nước.

2. Trường hợp số tiền thu được do bán tài sản của một lần xử lý không đủ để thanh toán các khoản chi phí mà trên tài khoản tạm giữ còn số dư của các lần xử lý trước thì được sử dụng số tiền trên tài khoản tạm giữ để thanh toán các khoản chi phí, nếu còn thiếu thì đề nghị hỗ trợ từ ngân sách trung ương theo quy định hiện hành.

3. Trường hợp chưa có nguồn kinh phí để thực hiện chi trả, Hội đồng tạm ứng kinh phí từ tài khoản tạm giữ, dự toán ngân sách chi thường xuyên của Cục Hải quan hoặc của doanh nghiệp quản lý hàng hóa tồn đọng để thực hiện chi trả. Số tiền tạm ứng được hoàn trả từ nguồn kinh phí quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, gửi kho ngoại quan theo quy định phải thực hiện việc ký quỹ, đặt cọc thì việc thanh toán các khoản chi phí thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công thương và Bộ Tài chính.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hàng hóa tồn đọng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà cơ quan có thẩm quyền đã quyết định phê duyệt phương án xử lý thì tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Đối với hàng hóa tồn đọng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa quyết định phê duyệt phương án xử lý thì được xử lý theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp các cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện thủ tục thông báo, kiểm kê, phân loại hàng hóa tồn đọng theo các quy định trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện các bước tiếp theo theo quy định tại Thông tư này.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2015.

2. Bãi bỏ Thông tư số 15/2014/TT-BTC ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng trong khu vực giám sát hải quan.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Cục Hải quan, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ; Cổng TTĐT Bộ Tài chính;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLCS.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Chí